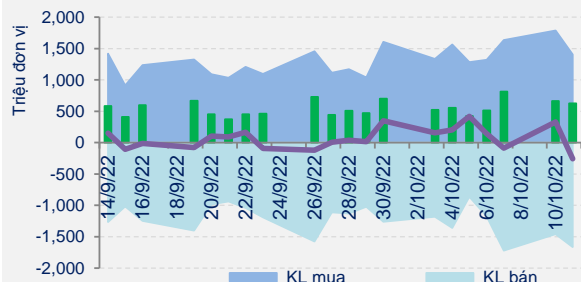
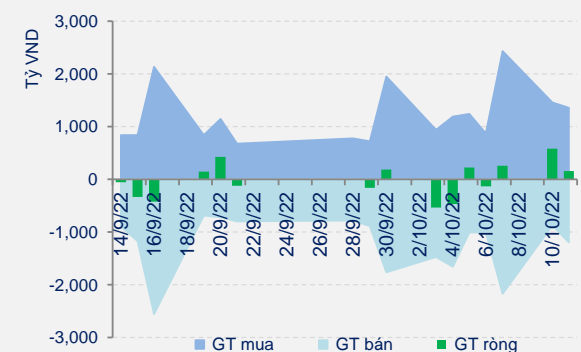
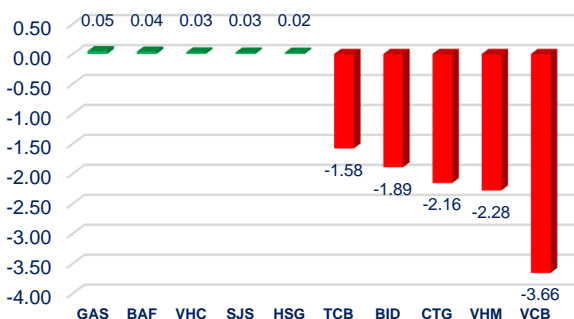


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/10/2022

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,006.20	218.78
% Thay đổi	↓ -3.48%	↓ -4.82%
KLGD (CP)	623,243,322	78,412,031
GTGD (tỷ đồng)	12,871.00	1,179.02
Tổng cung (CP)	1,663,786,583	107,613,900
Tổng cầu (CP)	1,406,355,164	80,078,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	45,034,215	262,995
KL mua (CP)	41,834,215	536,134
GT mua (tỷ đồng)	1,355.54	11.48
GT bán (tỷ đồng)	1,196.33	9.28
GT ròng (tỷ đồng)	159.20	2.19

**Tương quan cung cầu HOSE**

**Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE**

**CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX**


## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Trong phiên hôm nay, tại thị trường Việt Nam, tâm lý của các nhà đầu tư vẫn rất tiêu cực dẫn đến áp lực bán áp đảo và mạnh dần lên về cuối phiên khiến cho các chỉ số kết phiên ở gần mức thấp nhất.

VN-Index giảm 36,28 điểm (-3,48%) xuống 1.006,2 điểm, HNX-Index giảm 11,07 điểm (-4,82%) xuống 218,78 điểm. Thanh khoản phiên hôm nay gia tăng so với phiên hồi phục trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên.

Khối ngoại có phiên mua ròng thứ 3 liên tiếp trên sàn HOSE với tổng giá trị ròng đạt gần 1.000 tỷ đồng, riêng phiên hôm nay đạt 159,92 tỷ đồng. VIC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 65,6 tỷ đồng. Tiếp theo là DGC và VNM với lần lượt 49 tỷ đồng và 47,4 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, NVL là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 26,6 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc VN30 (-3,22%) thậm chí còn giảm mạnh hơn thị trường với 28/30 giảm (1 mã giảm sàn), có thể kể đến những cái tên như GVR (-6,8%), MWG (-6,8%), SSI (-6,7%), STB (-6,5%), HPG (-6,2%)... Chỉ còn VIC (+0,2%) là còn duy trì được sắc xanh và TPB đứng giá.

Gần như toàn bộ các nhóm ngành cổ phiếu đều chìm trong sắc đỏ trong phiên hôm nay trước áp lực bán mạnh về cuối phiên.

Nhóm cổ phiếu bất động sản giảm mạnh nhất với nhiều mã giảm sàn như DIG (-7%), DXG (-6,9%), CII (-6,9%), NLG (-6,9%), HDC (-6,9%), CEO (-9,6%), KBC (-6,9%)... Giảm mạnh thứ hai là nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng với nhiều mã giảm sàn như SSI (-6,9%), VND (-6,8%), HCM (-7%), VIX (-6,9%), MBS (-10%), FTS (-6,9%)...

Nhóm trụ cột thị trường là ngân hàng cũng giảm rất mạnh và đây là nguyên nhân chính khiến thị trường giảm mạnh trong phiên hôm nay. TCB (-7%), STB (-6,8%), MBB (-7%), TPB (-7%), LPB (-7%)... đều đã giảm sàn.

Ở chiều ngược lại, một số cổ phiếu ngành thép có diễn biến tích cực hơn so với thị trường chung, có thể kể đến như HSG (+1,2%), NKG đứng giá...

Không có nhiều điều để nói về diễn biến trong phiên hôm nay, ngoại trừ việc tâm lý nhà đầu tư trong nước đang hết sức tiêu cực giai đoạn hiện tại.

Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 10/2022 đang thấp hơn so với chỉ số cơ sở VN30 với mức chênh lệch -12,68 điểm. Điều này cho thấy các trader đang nghiêng về khả năng thị trường có thể tiếp tục điều chỉnh.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/10/2022

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-INDEX



Sau phiên hồi phục nhẹ vào đầu tuần, thị trường lại quay đầu giảm trong phiên hôm nay với mức giảm còn mạnh hơn mức tăng trước đó. Đồng thời, thanh khoản trong phiên hôm nay cũng gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên một chút cho thấy áp lực bán ra trong phiên hôm nay vẫn mạnh.

Với phiên giảm điểm mạnh hôm nay, VN-INDEX tiếp tục rơi sâu cách xa ngưỡng 1.120 điểm tương ứng với cạnh dưới của kênh giá sideway down trước đó mà chỉ số này đã đánh mất trong phiên 3/10. VN-INDEX vẫn đối diện khả năng tiếp tục giảm trong thời gian tới với target 950 điểm dựa trên việc đo theo kênh giá sideway down kể trên.

Nếu xét trên các khía cạnh khác thì chỉ báo động lượng RSI (14) đang trong trạng thái quá bán phiên thứ mười hai liên tiếp, chỉ thấp hơn mức kỷ lục vào đầu năm 2020 khi dịch Covid-19 xuất hiện tại Việt Nam là mười tám phiên liên tiếp. Bên cạnh đó, RSI (14) cũng đang có phân kỳ dương với chỉ số VN-INDEX. Do vậy có thể kỳ vọng lực cầu bắt đáy sẽ xuất hiện trong các phiên tiếp theo giúp thị trường hồi phục kỹ thuật để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng tâm lý 1.050 điểm.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX tiếp tục chịu áp lực bán mạnh với độ rộng tiêu cực, tâm lý ngắn hạn rất bi quan dưới ảnh hưởng giảm mạnh của nhóm cổ phiếu ngân hàng. Nhiều mã ngành ngân hàng có tốc độ giảm giá nhanh, mạnh hơn cả thời điểm đại dịch Covid năm 2020 với khối lượng đột biến. Chỉ số trong phiên đã có thời điểm điều chỉnh về vùng giá thấp nhất năm 2021, tương ứng 998,33 điểm, và rất may mắn khi đóng cửa trên vùng tâm lý 1.000 điểm, khối lượng giao dịch gia tăng mạnh đến từ VN30.

Xu hướng ngắn hạn VN-INDEX vẫn suy giảm và đang trong quá trình dò đáy. Các vị thế mua T+2 cần phải xác nhận cải thiện, ngừng giảm mới có thể cải thiện tâm lý ngắn hạn của thị trường và từ đó có những kỳ vọng lạc quan hơn về xu hướng của thị trường.

Nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng hợp lý ở thời điểm hiện tại. Việc giải ngân cần được thực hiện theo từng phần, tỉ trọng dưới trung bình, xem xét chọn lọc các mã cơ bản tốt sau quá trình giảm mạnh về các vùng hỗ trợ mạnh, định giá hấp dẫn và vẫn duy trì tăng trưởng tốt.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo danh mục cổ phiếu khuyến nghị của chúng tôi để có quyết định hợp lý.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/10/2022

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
HAH	39.20	40-43	60-61	38	3.8	106.8%	191.1%	Theo dõi chờ giải ngân
IJC	13.05	13-14.5	21-22	12	5.5	26.8%	6.6%	Theo dõi giải ngân, vùng hỗ trợ 13-14
DGC	69.80	63-68	88-92	57	5.3	96.3%	455.2%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	44.30	44-50	62-64	42	8.3	-49.0%	-32.6%	Theo dõi chờ giải ngân
VCI	24.60	25-26.5	32-33	22	7.0	18.8%	-26.7%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	14.40	15-17	22-23	13	6.9	-20.3%	-8.8%	Theo dõi chờ giải ngân
KDH	24.40	25-28	33-34	23	12.6	-34.1%	24.6%	Theo dõi chờ giải ngân
NLG	23.55	25-28	33-35	22	11.4	209.6%	135.4%	Theo dõi chờ giải ngân
MBB	16.05	18-19	23-24	16	5.1	0.0%	78.1%	Theo dõi chờ giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
29/6/2022	VPI	59.30	57.45	76-78	58	3.22%	Nắm giữ
30/9/2022	TDC	18.45	16.30	25-26	18.5	13.19%	Bán, cơ cấu
5/10/2022	GIL	29.70	29.00	41-42	27.5	2.41%	Nắm giữ
10/10/2022	TNG	15.30	15.20	21-22	13	0.66%	Nắm giữ
10/10/2022	NKG	16.15	15.15	20-21	13	6.60%	Nắm giữ
10/10/2022	HPG	17.50	17.65	24-25	15	-0.85%	Nắm giữ
10/10/2022	DPG	29.55	29.80	40-41	28	-0.84%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

**Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2022: Dự kiến đạt và vượt 14/15 chỉ tiêu**

Sáng 11/10, cho ý kiến về các báo cáo về tình hình KT-XH, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ghi nhận trong bối cảnh lịch sử chưa từng có nhưng với sự chủ động, đồng hành vào cuộc, sự nhạy bén, quyết đoán và quyết liệt của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cùng Chính phủ đã có những quyết định lịch sử trong thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH, phòng, chống dịch và phục hồi, phát triển kinh tế, để từ đó Việt Nam đạt kết quả rất ấn tượng trong 9 tháng đầu năm 2022.

**Tờ báo hàng đầu Thụy Sĩ đánh giá Việt Nam là con hổ mới của châu Á**

Tờ báo Agefi nhận định trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam và Indonesia đang nổi lên như là những cường quốc kinh tế mới của châu Á bên cạnh Hàn Quốc, Singapore.

**Xuất khẩu thủy sản sẽ sớm cán đích**

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản quý 3/2022 đạt 8,5 tỷ USD, tăng 38% so với cùng kỳ năm 2021. Tính đến 10/10/2022, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đã bằng cả năm 2021...

**Quy hoạch tổng thể quốc gia: Xác định rõ và đúng quan điểm, tư tưởng chỉ đạo**

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nêu rõ nội dung chủ yếu của Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là phải xác định rõ và đúng những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo; những mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu cần phấn đấu để đạt được và các định hướng lớn về phát triển và phân bố không gian phát triển các ngành, lĩnh vực chủ yếu; định hướng tổ chức không gian phát triển theo vùng, lãnh thổ;...



TIN DOANH NGHIỆP

**Gỗ An Cường chốt quyền tạm ứng cổ tức 11% sau khi "chuyển nhà" sang HOSE**

Sau khi chính thức "chuyển nhà" sang HOSE, CTCP Gỗ An Cường (HOSE: ACG) thông báo chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền mặt. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 14/10/2022.

**VBMA: Ngân hàng vẫn áp đảo cuộc đua huy động trái phiếu tháng 9**

Trong tháng 9, có 25 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) riêng lẻ với giá trị là hơn 15 ngàn tỷ đồng, cùng 1 đợt phát hành trái phiếu ra công chúng trị giá 235.4 tỷ đồng của Ngân hàng TMCP Bắc Á (HNX: BAB).

**Hãng thép Pomina dừng lò cao, cắt giảm nhân sự**

Hãng thép Pomina đã phải dừng hoạt động một lò cao và giảm bớt nhân viên trong bối cảnh vừa trải qua quý thua lỗ nặng và ngành thép chưa có dấu hiệu khả quan trở lại. Cùng với đó là gánh nặng nợ ngắn hạn lên gần 10.8 ngàn tỷ đồng.

**Vinh Hoàn dự chi 367 tỷ đồng tạm ứng cổ tức 2022**

HDQT CTCP Vinh Hoàn (HOSE: VHC) vừa thông báo 21/10/2022 là ngày đăng ký cuối cùng tạm ứng cổ tức 2022 với tỷ lệ 20% bằng tiền mặt. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 20/10/2022.

**HTI chốt quyền tạm ứng cổ tức 2022 tỷ lệ 10%**

CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (HOSE: HTI) thông báo chốt quyền tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 15/12/2022.

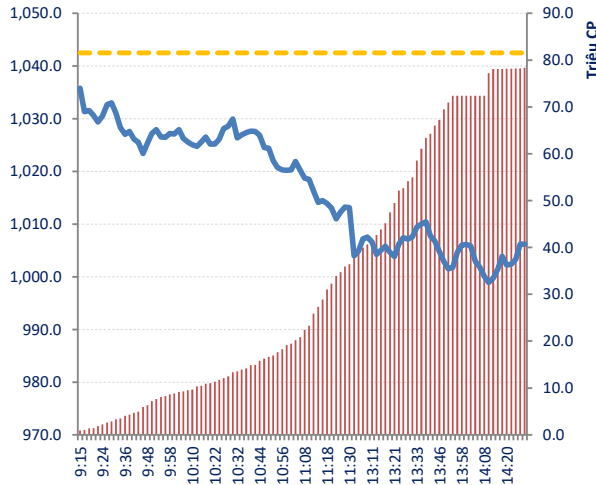
**Bộ trưởng Tài chính: Các công ty phát hành đều cam kết sẽ trả đúng hạn những trái phiếu đến kỳ trả nợ**

Ngày 10/10, Bộ trưởng Bộ Tài chính Hồ Đức Phớc đã trả lời báo chí liên quan đến điều hành kinh tế vĩ mô cũng như các vấn đề luận quan tâm hiện nay là trái phiếu doanh nghiệp, điều hành thị trường xăng dầu.

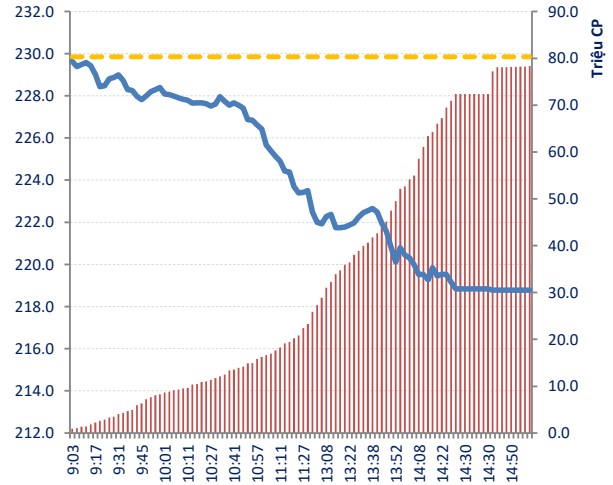


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

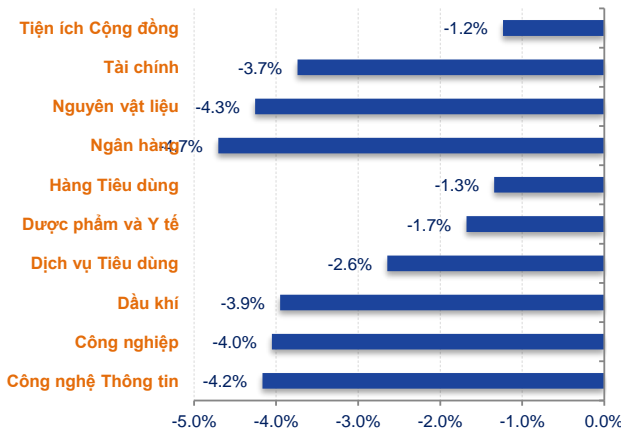
#### KLGD và VN-Index trong phiên



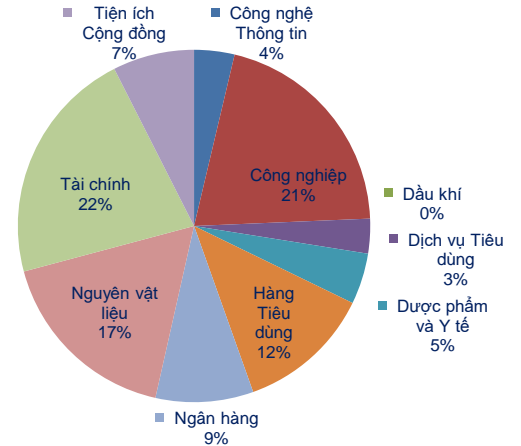
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



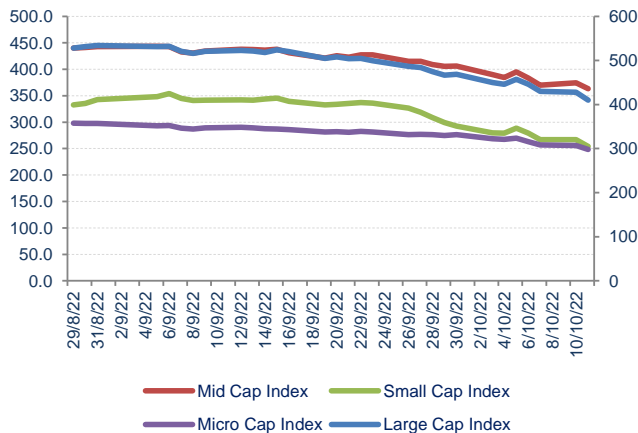
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



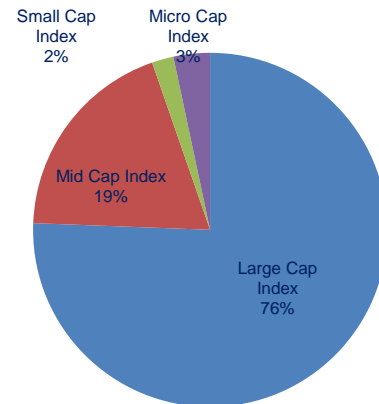
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VIC	1,114,300	VND	2,644,000	1	PVS	222,747	IDC	175,100
2	FUEVFNVD	962,700	STB	1,657,700	2	TNG	75,803	KLF	12,200
3	CTG	824,000	DXG	1,051,300	3	PVI	35,800	BVS	10,000
4	SHB	704,000	SSI	871,000	4	PVG	35,000	KVC	8,000
5	DGC	700,700	HPG	847,800	5	MBS	19,600	CTP	7,000

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VPB	15.35	15.35	→ 0.00%	30,409,200	SHS	8.60	7.80	↓ -9.30%	12,309,358
TCB	25.80	24.00	↓ -6.98%	30,315,200	PVS	24.10	21.80	↓ -9.54%	11,633,431
HPG	18.35	17.50	↓ -4.63%	26,759,700	IDC	45.80	43.10	↓ -5.90%	5,752,551
STB	17.00	15.85	↓ -6.76%	24,976,900	KLF	1.10	1.00	↓ -9.09%	4,626,159
MBB	17.25	16.05	↓ -6.96%	24,427,515	CEO	16.60	15.00	↓ -9.64%	4,506,851

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FUCTVGF4	18.95	20.25	1.30	↑ 6.86%	THS	17.00	18.70	1.70	↑ 10.00%
ILB	30.00	31.95	1.95	↑ 6.50%	VNT	68.40	75.20	6.80	↑ 9.94%
VSI	21.80	22.95	1.15	↑ 5.28%	PMS	19.40	21.30	1.90	↑ 9.79%
BAF	21.90	23.00	1.10	↑ 5.02%	PEN	7.20	7.90	0.70	↑ 9.72%
CCI	24.80	25.75	0.95	↑ 3.83%	PTD	13.50	14.80	1.30	↑ 9.63%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FUESSVFL	13.00	12.09	-0.91	↓ -7.00%	DPC	20.40	18.00	-2.40	↓ -11.76%
GEG	15.00	13.95	-1.05	↓ -7.00%	MBS	16.00	14.40	-1.60	↓ -10.00%
HID	4.00	3.72	-0.28	↓ -7.00%	PVL	4.00	3.60	-0.40	↓ -10.00%
LPB	10.15	9.44	-0.71	↓ -7.00%	L14	50.00	45.00	-5.00	↓ -10.00%
NBB	19.30	17.95	-1.35	↓ -6.99%	LUT	3.00	2.70	-0.30	↓ -10.00%

(\*) Giá điều chỉnh





## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	30,409,200	19.6%	2,508	6.1	1.0
TCB	30,315,200	21.1%	5,765	4.5	0.9
HPG	26,759,700	32.1%	5,164	3.6	1.1
STB	24,976,900	10.3%	1,902	8.9	0.9
MBB	24,427,515	24.2%	3,467	5.0	1.1

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	12,309,358	25.5%	1,154	7.5	0.7
PVS	11,633,431	4.1%	1,106	21.8	0.9
IDC	5,752,551	34.0%	5,604	8.2	2.3
KLF	4,626,159	-0.8%	(82)	-	0.1
CEO	4,506,851	7.2%	969	17.1	1.2

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FUCTVGF4	↑ 6.9%	N/A	N/A	N/A	N/A
ILB	↑ 6.5%	17.5%	3,472	8.6	1.4
VSI	↑ 5.3%	12.9%	2,133	10.2	1.4
BAF	↑ 5.0%	16.7%	1,786	12.3	2.0
CCI	↑ 3.8%	7.7%	1,176	21.1	1.8

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
THS	↑ 10.0%	9.4%	1,338	12.7	1.2
VNT	↑ 9.9%	12.5%	1,984	34.5	4.4
PMS	↑ 9.8%	13.1%	2,914	6.7	0.9
PEN	↑ 9.7%	-8.8%	(1,250)	-	0.5
PTD	↑ 9.6%	43.9%	7,592	1.8	0.7

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	1,114,300	-0.3%	(121)	-	1.7
FUEVFVND	962,700	N/A	N/A	N/A	N/A
CTG	824,000	15.1%	3,057	6.8	1.0
SHB	704,000	19.9%	2,857	3.5	0.7
DGC	700,700	68.7%	13,193	5.5	2.9

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	222,747	4.1%	1,106	21.8	0.9
TNG	75,803	19.2%	2,793	5.9	1.2
PVI	35,800	8.0%	2,729	14.5	1.1
PVG	35,000	2.0%	272	33.8	0.7
MBS	19,600	14.4%	746	21.4	1.4

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	308,087	21.7%	5,271	12.4	2.5
VHM	234,700	21.9%	6,510	8.3	1.8
VIC	229,599	-0.3%	(121)	-	1.7
GAS	202,879	23.6%	6,738	15.7	3.3
BID	151,756	14.6%	2,569	11.7	1.6

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
KSF	24,180	6.6%	1,356	59.4	3.7
IDC	15,114	34.0%	5,604	8.2	2.3
THD	14,175	13.1%	2,295	17.6	2.4
BAB	11,957	7.9%	889	16.5	1.3
PVS	11,519	4.1%	1,106	21.8	0.9

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PET	2.79	9.2%	2,027	14.3	1.3
DXS	2.65	5.3%	1,022	12.9	0.6
CTS	2.58	8.7%	772	17.9	1.1
GIL	2.48	20.3%	6,612	4.5	0.8
DQC	2.47	2.4%	818	19.6	0.5

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

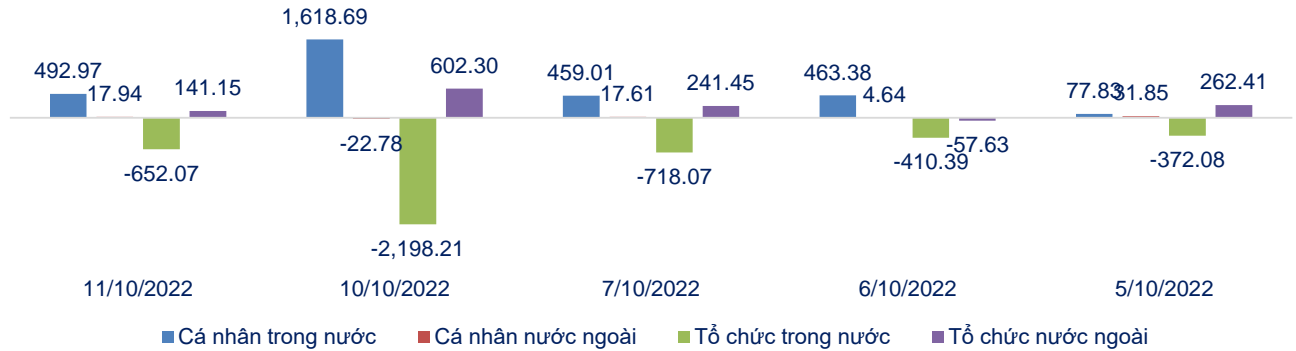
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	2.56	7.9%	741	10.7	0.8
LIG	2.24	4.2%	559	8.2	0.3
IPA	2.20	15.7%	2,720	5.0	0.7
MBS	2.10	14.4%	746	21.4	1.4
VC9	2.04	2.4%	47	142.0	52.1





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	126.85	21.1%	5,765	4.5	0.9
VIC	125.13	-0.3%	(121)	-	1.7
NVL	118.92	7.6%	1,655	46.2	3.4
DIG	81.68	14.3%	1,719	15.4	2.1
STB	49.23	10.3%	1,902	8.9	0.9

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIB	-95.33	28.9%	3,463	5.8	1.5
VNM	-44.33	26.8%	4,534	15.6	4.0
GAS	-32.89	23.6%	6,738	15.7	3.3
VHC	-31.52	32.2%	11,246	6.3	1.8
ACB	-28.40	25.1%	3,482	5.4	1.2

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PNJ	7.66	20.1%	5,984	17.5	3.2
SHB	2.93	19.9%	2,857	3.5	0.7
HPG	2.46	32.1%	5,164	3.6	1.1
STB	1.77	10.3%	1,902	8.9	0.9
DXG	1.64	5.3%	1,218	13.6	0.7

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCI	-2.41	18.0%	1,592	16.3	1.6
KBC	-1.28	1.6%	351	66.6	1.1
HAG	-1.28	14.6%	750	14.8	2.2
MWG	-0.99	23.6%	3,396	16.8	3.7
SSI	-0.78	13.0%	1,082	16.1	1.2

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIB	95.33	28.9%	3,463	5.8	1.5
ACB	28.40	25.1%	3,482	5.4	1.2
HPG	22.33	32.1%	5,164	3.6	1.1
BVH	13.12	0.4%	123	407.2	1.6
OCB	10.98	16.7%	2,683	4.7	0.8

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-191.63	-0.3%	(121)	-	1.7
TCB	-126.54	21.1%	5,765	4.5	0.9
DIG	-82.98	14.3%	1,719	15.4	2.1
NVL	-64.36	7.6%	1,655	46.2	3.4
VHM	-64.01	21.9%	6,510	8.3	1.8

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	67.23	-0.3%	(121)	-	1.7
DGC	48.38	68.7%	13,193	5.5	2.9
VNM	47.64	26.8%	4,534	15.6	4.0
MSN	42.19	27.1%	7,170	11.2	3.0
DPM	30.64	49.9%	14,573	3.0	1.3

## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	-54.40	7.6%	1,655	46.2	3.4
VND	-36.65	12.3%	355	41.2	1.2
STB	-28.37	10.3%	1,902	8.9	0.9
HAH	-25.21	37.2%	10,309	4.0	1.2
HPG	-18.17	32.1%	5,164	3.6	1.1



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)